

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- *Họ và tên:* Mai Trọng Nhuận
- *Năm sinh:* 11/02/1952
- *Giới tính:* Nam
- *Trình độ đào tạo* (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS, 1985, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- *Chức danh* Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): GS, 1996, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Ngành, chuyên ngành khoa học:* Khoa học Trái đất, địa hoá- khoáng vật

- *Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại* (hoặc đã nghỉ hưu từ năm):

Phó chủ tịch Hội đồng tư vấn chính sách thuộc Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu; Chủ tịch Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Đại học Quốc gia Hà Nội; Giám đốc Phòng thí nghiệm trọng điểm Địa môi trường và Ứng phó Biến đổi khí hậu, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; Giám đốc chương trình đào tạo thạc sỹ về biến đổi khí hậu và phát triển của Trường Đại học Việt Nhật; Trưởng Bộ môn Địa chất Môi trường, Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; Phó chủ tịch Tổng hội Địa chất Việt Nam; Phó chủ tịch Hội Địa hoá Việt Nam.

- *Chức vụ cao nhất đã qua:* Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội

Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2019.

- *Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành* (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

Thành viên HĐCDGS Liên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ nhiệm kỳ 1999- 2004 (Phó chủ tịch); 2004-2009 (Chủ tịch); 2009-2013 (Chủ tịch), nhiệm kỳ 2014-2018 (Chủ tịch) (chức vụ trong Hội đồng: ủy viên thường trực/thư ký); Ủy viên HĐGS Liên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ năm 2019 (Chủ tịch).

- *Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):*

Nhiệm kỳ 2009-2013, 2014-2018, 2018-2023.

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo: Chủ biên, tham gia biên soạn tổng số 17 quyển

a) Tổng số sách đã chủ biên: **5** quyển, trong đó có **4** sách chuyên khảo, sách tham khảo và **1** giáo trình;

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong **05** năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*): **6** sách chuyên khảo, sách tham khảo

1. Trần Thực, Koos Neefjes, Tạ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Thắng, **Mai Trọng Nhuận**, Lê Quang Trí và nnk, 2015. Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ biên chương 4. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam. ISBN: 978-604-904-623-0.
2. **Mai Trọng Nhuận** (chủ biên), Trần Mạnh Liễu, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Đăng Quy, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Phạm Thị Nhâm, 2016. Mô hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-62-6631-0.
3. Tống Duy Thanh, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Nghi (đồng chủ biên) và nnk, 2017. Bách khoa thư địa chất. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-62-6905-2
4. **Mai Trọng Nhuận**, Tue, N.T. and Quy, T.D. 2018. Enhancing Resilience to Climate Change and Disasters for Sustainable Development: Case Study of Vietnam Coastal Urban Areas. In: K. Takeuchi, O. Saito, H. Matsuda and G. Mohan (Editors), Resilient Asia: Fusion of Traditional and Modern Systems for a Sustainable Future. Springer Japan, Tokyo, pp. 63-79. ISBN: 978-4-431-56595-6.
5. Duc, D.M., **Mai Trọng Nhuận**, Quy, T.D. and Lieu, T.M., 2018. TXT-tool 4.084-1.2: Landslide Vulnerability Assessment: A Case Study of Backan Town, Northeast Vietnam, Landslide Dynamics: ISDR-ICL Landslide Interactive Teaching Tools. Springer, pp 521-537.
6. Trần Văn Minh, Nguyễn Quang Hùng, Trương Minh Hoàng, Lê Quang Huy, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Bắc Việt, Nguyễn Tuấn Anh, Trần Thị Quốc Khánh,

Nguyễn Thị Lệ Thuỷ, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thục và nnk, 2019. Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam. NXB Thanh niên.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: **136** bài báo, trong đó **36** bài báo tạp chí quốc tế, ngoài nước và **35** báo cáo toàn văn đăng trong tuyển tập các hội nghị khoa học quốc tế, **65** bài báo tạp chí trong nước.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong **05** năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- **Trong nước:** bài báo và báo cáo khoa học (2014-2019)

1. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Mạnh Liễu, Nguyễn Ngọc Trục, Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Khang, Nguyễn Thị Hồng Huế, Hoàng Đình Thiện, Trương Văn Thịnh, Nguyễn Hồ Quế, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2014. *Các mô hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu: kinh nghiệm quốc tế và áp dụng cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Vol. 30, No.25, 2014, trang 222-234.

2. Nguyen, V. V., **Mai, T. N.**, Nguyen, N. T., Nguyen, H. C., Bui, Q. H., & Dao, N. T. (2014). *Khung cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Nguyễn Hồ Quế, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thị Lua, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Hà, Lương Lê Huy, Quách Mạnh Đạt, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Huế, Trần Đăng Quy, 2014. *Đánh giá môi trường địa chất vùng biển Quảng Nam - Khánh Hoà từ 60-100 m nước phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Vol. 30, No.25, 2014, trang 60-69.

4. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Thị Hồng Huế, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Mạnh Liễu, 2015. *Assessing the Adaptive Capacity of Coastal Urban Households to Climate Change (Case Study in Liên Chiểu District, Đà Nẵng City, Vietnam)*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, Vol. 31, No. 2 (2015) 23-35.

5. Trần Đăng Quy, **Mai Trọng Nhuận**, Lương Lê Huy, 2015. *Đặc điểm môi trường địa hoá vùng biển 0-100 m nước Huế- Bình Định, Trong Địa chất và Tài nguyên Việt Nam*, Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị khoa học toàn quốc kỷ niệm 70 năm phát triển. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. pp 263-272

6. Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Lương Lê Huy, Trịnh Nguyên Tính, Lê Anh Thắng, Đào Mạnh Tiến, Vũ Trường Sơn, **Mai Trọng Nhuận**, 2016. *Tai biến địa hóa vùng biển Việt Nam: Hiện trạng, xu thế và các giải pháp giảm nhẹ*. Tạp chí Địa chất, loạt A, 360, 10/2016: 28-39.

7. Hảo, N. T., Tuệ, N. T., Quy, T. Đ., Hoài, N. Đ., & **Nhuận, M. T.** (2016). *Đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cấp hộ gia đình tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 32(2S).
8. Nguyễn Tài Tuệ, Phạm Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Đăng Quy, Đặng Minh Quân, Nguyễn Đình Thái, **Mai Trọng Nhuận** (2016). *Đặc điểm điều kiện địa hóa sinh thái của sá sùng (Sipuculus nudus) ở rừng ngập mặn Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 32, Số 2S (2016) 177-186.
9. Nguyen, H. T. T., **Mai, N. T.**, Bui, C. D., & Nguyen, T. T. P., 2016. *Mapping droughts over the central highland of Vietnam in El Nino years using LANDSAT imageries*. VNU Journal of Science, Vol. 32, No. 1S (2016) 255-263.
10. Le Huy, L., **Nhuan, M. T.**, Quy, T. D., Van Tuan, H., Dat, Q. M., Hoai, N. D., & Tue, N. T. (2016). *Characteristics of Marine Environmental Geochemistry from Ha Tinh to Quang Nam (60-100m water depth)*. Vietnam Journal of Earth Sciences, 38(2), 217-230.
11. Luong Le Huy, **Mai Trong Nhuan**, Le Van Hoc, Trinh Nguyen Tinh, Le Anh Thang, Nguyen Van Ha, Hoang Van Tuan, Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, 2017, *Characteristics of marine environmental geochemistry from Nga Son to Cua Hoi, Thanh Hoa province (0-30 meters water depth)*. Journal of Marine Science and Technology; v. 17(3), p. 301-311, DOI: 10.15625/1859-3097/17/3/8698.
12. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Đào Mạnh Tiến, Nguyễn Thị Hồng Huế, Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2017. *Nghiên cứu đặc điểm địa hoá môi trường trầm tích tầng mặt vùng biển (0 - 30 m nước) Phan Thiết - Hồ Tràm phục vụ cho việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, số. 23, No. 1, pp. 34-46.
13. Lam Tuan Manh, Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, Ta Thi Hoai, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Duc Hoai, 2017. *Assessment of Sustainable Development Index for Thanh Hoa Province during period from 2010 - 2014*, VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, v. 33(1S), p. 257-267.
14. Nguyễn Đức Hoài, Nguyễn Quốc Biên, Lê Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Lý, Lương Lê Huy, Hà Tiên, Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Hà, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Đăng Quy, 2018. *Đánh giá tài nguyên đất và nước xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên phục vụ xây dựng mô hình phát triển bền vững tích hợp 3E+1*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 34, Số 3 (2018) 1-3, 34(3): 71-85.
15. Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, Nguyễn Đình Thái, **Mai Trọng Nhuận**, 2018, *Xác định nguồn gốc của carbon hữu cơ trong trầm tích bề mặt rừng ngập*

mặn Vườn quốc gia Mũi Cà Mau bằng phương pháp phân tích đồng vị bền, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, 34(4).

16. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Trần Hồng Thái, Nguyễn Tài Tuệ, 2019. *Một số giải pháp đổi mới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ trái đất - mỏ - môi trường*. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 13-25.

17. Mai Kim Liên, **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Xuân Hải, 2019. *Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho tỉnh Bình Định*. Tạp chí Khí tượng Thủy văn (708), tr.23-35.

18. **Mai Trọng Nhuận**, Trương Xuân Cừ, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Trần Đăng Quy, Phạm Thuỳ Linh, Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, 2020. *Đánh giá hiệu quả của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ: Trường hợp Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 36, ID 4457.

- **Quốc tế:** bài báo trong các tạp chí SCIE/SSCI/ Scopus (2014-2019)

1. **Nhuan, M. T.**, Ha, N. T. H., Hien L.T.T, Hue, N. T. H. & Quy, T. D. (2014). *An integrated and quantitative vulnerability assessment for proactive hazard response and sustainability: a case study on the Chan May-Lang Co Gulf area, Central Vietnam*. Sustainability Science, 9(3), 399-409. DOI 10.1007/s11625-013-0221-9 (IF = 3,372, Q1).

2. Tue, N. T., Hamaoka, H., Quy, T. D., **Nhuan, M. T.**, Sogabe, A., Nam, N. T., & Omori, K. (2014). *Dual isotope study of food sources of a fish assemblage in the Red River mangrove ecosystem, Vietnam*. Hydrobiologia, 733(1), 71-83. DOI:10.1007/s10750-013-1737-9 (IF = 2,212, Q1).

3. Nguyen Tai Tue, L. V. Dung, **M. T. Nhuan**, K. Omori (2014). *Carbon storage of a tropical mangrove forest in Mui Ca Mau National Park, Vietnam*. Catena, 121: 119-126. ISSN: 0341-8162 (IF = 2,482, Q1).

4. Ha, N. T. T., Koike, K., & **Nhuan, M. T.** (2014). *Improved accuracy of chlorophyll-a concentration estimates from MODIS imagery using a two-band ratio algorithm and geostatistics: As applied to the monitoring of eutrophication processes over Tien Yen Bay (Northern Vietnam)*. Remote Sensing, 6(1), 421-442. ISSN 2072-4292 (IF = 2.623, Q1).

5. **Nhuan, M. T.**, Tue, N. T., Hue, N. T. H., Quy, T. D., & Lieu, T. M. (2016). *An indicator-based approach to quantifying the adaptive capacity of urban households: the case of Da Nang city, Central Vietnam*. Urban Climate, 15, 60-69 (Q1 in urban studies).

6. Le Sy Chinh, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Xuan Hai, Nguyen Thi Hai, Dang Ngoc Thang, Nguyen Tai Giang, Doan Dinh Hung, Nguyen Trung Minh, Nguyen Manh Khai, Tran Dang Quy, Nguyen Thi Hoang Ha, 2016. *The influence of sodium silicate on removal of heavy metals by iron mine tailing*. ARPN Journal of Engineering and Applied Sciences, 21, 12555-12560 (Q3).
7. Dung, L. V., Tue, N. T., **Nhuan, M. T.**, & Omori, K., 2016. *Carbon storage in a restored mangrove forest in Can Gio Mangrove Forest Park, Mekong Delta, Vietnam*. Forest ecology and management, 380, 31-40 (IF = 2,826, Q1).
8. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Hoang Ha, Ta Thi Hoai and Tran Dang Quy, 2017, *A review on the geoenvironmental and geocological integrated technology for environmental remediation in Vietnam: approaches, contributions, challenges and perspectives*, IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science 71 (2017) 012012, doi :10.1088/1755-1315/71/1/012012. ISSN 1755-1315.
9. Ha, N.T.T., Koike, K., **Mai Trong Nhuan**, Canh, B.D., Thao, N.T.P. and Parsons, M., 2017. *Landsat 8/OLI two bands ratio algorithm for chlorophyll-a concentration mapping in hypertrophic waters: An application to West Lake in Hanoi (Vietnam)*. IEEE Journal of Selected Topics in Applied Earth Observations and Remote Sensing, 10(11): 4919-4929. ISSN-2151-1535 (IF = 2,913, Q1).
10. Ha, N.T.T., Thao, N.T.P., Koike, K. and **Mai Trong Nhuan**, 2017. *Selecting the Best Band Ratio to Estimate Chlorophyll-a Concentration in a Tropical Freshwater Lake Using Sentinel 2A Images from a Case Study of Lake Ba Be (Northern Vietnam)*. ISPRS International Journal of Geo-Information, 6(9): 290 (IF = 0,371, Q2 in Earth and Planetary Science).
11. Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, **Mai Trong Nhuan**, Luu Viet Dung, Nguyen Dinh Thai, 2017, *Tracing carbon transfer and assimilation by invertebrates and fish across a tropical mangrove ecosystem using stable isotopes*, Marine Ecology, v. 38(5), DOI: 10.1111/maec.12460 (IF = 1,177, Q2 in ecology).
12. Nguyen Tai Tue, Pham Thao Nguyen, Dang Minh Quan, Luu Viet Dung, Tran Dang Quy, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Dinh Thai, 2018, *Sedimentary composition and organic carbon sources in mangrove forests along the coast of northeast Vietnam*, Regional Studies in Marine Science 17, p. 87-94. ISSN-0883-2927 (IF = 1,462, Q2 in ecology).
13. Ha, N. T. H., Ha, N. T., Nga, T. T. H., Minh, N. N., Anh, B. T. K., Hang, N. T. A., **Mai, N. T.** & Kim, K. W., 2019. *Uptake of arsenic and heavy metals by native plants growing near Nui Phao multi-metal mine, northern Vietnam*. Applied Geochemistry, 108, 104368 (IF = 2,894, Q2).
14. Nguyen, H. T.H., Sakakibara, M., Nguyen, M. N., **Mai, N. T.**, & Nguyen, V. T., 2019. *Effect of Dissolved Silicon on the Removal of Heavy Metals from Aqueous Solution by Aquatic Macrophyte Eleocharis acicularis*. Water, 11(5), 940 (IF = 2,524, Q2 in biochemistry).

15. Nguyen, H. T.H., Nguyen, B. Q., Duong, T. T., Bui, A. T., Nguyen, H. T., Cao, H. T., **Mai T.N.** & Kim, K. W., 2019. *Pilot-Scale Removal of Arsenic and Heavy Metals from Mining Wastewater Using Adsorption Combined with Constructed Wetland*. Minerals, 9(6), 379. ISSN 2075-163X (IF = 2,250, Q2).
16. Tue, N. T., Quan, D. M., Nguyen, P. T., Dung, L. V., Quy, T. D., & **Nhuan, M. T.**, 2019. *Holocene environmental changes in Red River delta, Vietnam as inferred from the stable carbon isotopes and C/N ratios*. Journal of Earth System Science, 128(1), 15. ISSN 2347-4327 (IF = 1,104, Q2).
17. Ngo Thi, D., Ha, N. T. T., Tran Dang, Q., Koike, K., & **Mai Trong, N.**, 2019. *Effective Band ratio of landsat 8 images based on VNIR-SWIR reflectance spectra of topsoils for soil moisture mapping in a tropical region*. Remote Sensing, 11(6), 716. ISSN-2072-4292 (IF = 4,118, Q1).

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên): Chủ nhiệm và thành viên tham gia chính: **51** đề tài, dự án, trong đó có **07** đề tài cấp nhà nước/quốc gia, **20** đề tài cấp bộ và tương đương, 12 đề tài, dự án, nhiệm vụ hợp tác quốc tế.

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: **06** đề tài cấp nhà nước/quốc gia; **20** đề tài, dự án cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*): Chủ nhiệm **03** đề tài cấp nhà nước/quốc gia, chủ trì **04** đề tài cấp Bộ và tương đương:

1. Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững Tây Bắc giai đoạn 2019- 2025, 2019, Nhà nước, *chủ trì đề tài*, đã nghiệm thu cấp cơ sở.
2. Điều tra, đánh giá tích hợp và dự báo biến động điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và tai biến thiên nhiên biển từ Thanh hoá đến Bình Thuận phục vụ phát triển kinh tế biển, Đề tài thuộc Đề án Chính phủ theo Quyết định 47/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên môi trường biển, gọi tắt là Đề án 47), 2011-2015, *chủ trì nhiệm vụ*.
3. Nghiên cứu xây dựng mô hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu (mã số BDKH-32/11-15), Chương trình KHCN cấp Nhà nước/quốc gia phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. 2013-2015. *Chủ nhiệm đề tài*.
4. Điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường, đánh giá thiệt hại do sự cố môi trường tại vùng biển ven bờ miền Trung và đề xuất các giải pháp xử lý cấp bách, Bộ Tài nguyên Môi trường, 2016-2017, *chủ trì nhiệm vụ*.
5. Tăng cường năng lực giảm thiểu địa tai biển ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu”. Đề tài hợp tác với Vương quốc Na Uy (Chương trình SRV-10/0026), 2012- 2016. Cấp ĐHQGHN, chủ trì phía Việt Nam.

6. Lập bản đồ hiện trạng địa chất tại biển và dự báo tại biển vùng biển Thừa Thiên Huế - Bình Định từ 0 - 60 m nước, tỉ lệ 1:100.000, thuộc Dự án "Điều tra đặc điểm địa chất, địa động lực, địa chất khoáng sản, địa chất môi trường và dự báo tại biển địa chất vùng biển Thừa Thiên Huế - Bình Định (0 - 60 m nước), tỷ lệ 1:100.000" trong Đề án Chính phủ theo Quyết định 47/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên môi trường biển biển (Đề án 47), Tổng cục Biển và Hải đảo; 2012- 2016. *Chủ nhiệm đề tài.*
7. Xây dựng phương pháp luận và phương pháp đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học ở Việt Nam, Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2014-2015, *chủ trì đề tài.*

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: **03** bản quyền tác giả, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

TT	Tên và nội dung công trình	Số, Ký mã hiệu	Nơi cấp	Năm cấp
1	Bộ chỉ số khả năng thích ứng, quy trình đánh giá tổn thương và mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	4990/2015/QTG, ngày 06/11/2015	Cục bản quyền tác giả, Bộ Văn hoá, Thể thao, Du lịch	2015

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: **5** NCS đã hướng dẫn chính và **2** NCS hướng dẫn phụ

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 5 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*): NCS

TT	Họ và tên NCS	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ	Vai trò hướng dẫn
----	---------------	----------------	---------------	------------	-------------------

1	Tô Thúy Nga	Nghiên cứu tích hợp các vấn đề môi trường và các yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 nhằm PTBV	Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN	2017	Chính
2	Lê Sỹ Chính	Nghiên cứu giải pháp xử lý nước thải khai thác và chế biến khoáng sản chì, kẽm tại tỉnh Bắc Kạn	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2017	Chính

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

3.1.1. Danh mục các bài báo khoa học

- Công bố quốc tế và các tạp chí của nước ngoài:

1. Халифагаде Ч., **Май Чонг Ньюн**, 1979. *К вопросу о причинах высокого содержания титана в боситах*. Журнал Наука, серия геология, Азербайджанский Государственный Университет, No 1: 9-16.
2. Нгуен Нгок Чьонг, **Май Чонг Ньюн**, 1984. *К методу оценки подвижности химических элементов в коре выветривания*. Кору выветривания в геологической истории территории СССР, 1984: 97-102.
3. Нгуен Нгок Чьонг, **Май Чонг Ньюн**, Севргин В. В., 1984. *Боситоностная кора выветривания Вьетнама*. Записки Всесоюзного Минералогического Общества, No 1: 43-46.
4. **Mai Trong Nhuan**, 1991. *Geochemistry of percolating waters in the basalt weathering crust of South Vietnam*. Journal Archiwum mineralogiczne, 47 (1), 41-53.
5. **Trong Nhuan Mai**, 1993. *The influence of mass and existence form of chemical elements in each weathering zone on their mobility during weathering of igneous rocks*. Resource Geology (15): 365-372. ISSN 1751-3928 (IF = 1,109, Q2).
6. **Mai Trong Nhuan**, 1996. *Forecasting occurrence of landslide related to the tropical weathering crust by statistical analysis*. Geoinformatics. 7(1-2), 91-95..
7. Nghi, T., **Nhuan, M. T.**, Van Ngoi, C., Hoekstra, P., Weering, V. T., V Den Bergh, J. H., ... & Van Phai, V. (2002). *Holocene sedimentary evolution, geodynamic and anthropogenic control of the Balat river mouth formation (Red River-delta, northern Vietnam)*. ZEITSCHRIFT FUR GEOLOGISCHE WISSENSCHAFTEN, 30(3), 157-172, ISSN 0303-4534.

8. Nghi, T., **Nhuan, M. T.**, Van Ngoi, C., Van Dai, N., Thanh, D. X., Nguyen, N. D., ... & Toan, N. Q. (2003). *GIS and image analysis to study the process of late Holocene sedimentary evolution in Balat River Mouth, Vietnam*. *Geoinformatics*, 14 (1), 43-48.
9. Bergh, G.D.v.d., Weering, T.C.E.v., Boels, J.F., Duc, D.M. and **Nhuan, M.T.**, 2007. *Acoustical facies analysis at the Ba Lat delta front (Red River Delta, North Vietnam)*. *Journal of Asian Earth Sciences* 29 (2007) 29: 532-544. ISSN: 1367-9120 (IF = 1,714, Q1).
10. Duc, D.M., **Nhuan, M.T.**, Ngoi, C.V., Nghi, T., Tien, D.M., van Weering, T.C.E. and van den Bergh, G.D., 2007. *Sediment distribution and transport at the nearshore zone of the Red River delta, Northern Vietnam*. *Journal of Asian Earth Sciences*, 29(4): 558-565. ISSN: 1367-9120 (IF = 1,714, Q1).
11. **Nhuan, M. T.**, N. T. M. Ngoc, N. Q. Huong, N. T. H. Hue, Nguyen Tai Tue, and P. B. Ngoc, 2009. *Assessment of Vietnam coastal wetland vulnerability for sustainable use (Case study in Xuan Thuy Ramsar Site, Vietnam)*. *Journal of Wetlands Ecology*, 2 (1-2): 1-16. ISSN 2091-0363.
12. Ha, N.T.H., Sakakibara, M., Sano, S. and **Nhuan, M.T.**, 2011. *Uptake of metals and metalloids by plants growing in a lead-zinc mine area, Northern Vietnam*. *Journal of Hazardous Materials*, 186(2-3): 1384-1391. ISSN: 0304-3894 (IF = 4,173, Q1).
13. Nguyen Tai Tue, H. Hamaoka, A. Sogabe, T. D. Quy, **M. T. Nhuan**, and K. Omori (2011). *The application of $\delta^{13}C$ and C/N ratios as indicators of organic carbon sources and paleoenvironmental change of the mangrove ecosystem from Ba Lat Estuary, Red River, Vietnam*. *Environmental Earth Sciences*, 64: 1475-1486. ISSN: 1866-6280 (IF = 1,059, Q2)
14. Duc, D.M., **Nhuan, M.T.** and Ngoi, C.V., 2012. *An analysis of coastal erosion in the tropical rapid accretion delta of the Red River, Vietnam*. *Journal of Asian Earth Sciences*, 43(1): 98-109. ISSN: 1367-9120. (IF = 2,152, Q1).
15. Nguyen Tai Tue, T. D. Quy, A. Amano, H. Hamaoka, S. Tanabe, **M. T. Nhuan**, and K. Omori, 2012. *Historical profiles of trace element concentrations in mangrove sediments from the Ba Lat Estuary, Red River, Vietnam*. *Water, Air, & Soil Pollution*, 223: 1315-1330. ISSN: 0049-6979 (IF = 1,625, Q2).
16. Nguyen Tai Tue, N. T. Ngoc, T. D. Quy, H. Hamaoka, **M. T. Nhuan**, and K. Omori, 2012. *A cross-system analysis of sedimentary organic carbon in the mangrove ecosystems of Xuan Thuy National Park, Vietnam*. *Journal of Sea Research*, 67: 69-76. ISSN: 1385-1101 (IF = 2,598, Q1 in aquatic science).
17. Nguyen Tai Tue, T. D. Quy, H. Hamaoka, **M. T. Nhuan**, and K. Omori, 2012. *Sources and exchange of particulate organic matter in an estuarine mangrove ecosystem of Xuan Thuy National Park, Vietnam*. *Estuaries and Coasts*, 35: 1060-1068. ISSN: 1559-2723 (IF = 2,109, Q1).
18. Nguyen Tai Tue, H. Hamaoka, A. Sogabe, T. D. Quy, **M. T. Nhuan**, and K. Omori, 2012. *Food sources of macro-invertebrates in an important mangrove*

- ecosystem of Vietnam determined by dual stable isotope signatures*. Journal of Sea Research, 72: 14-21. ISSN: 1385-1101 (IF = 2,598, Q1 in aquatic science).
19. **Nhuan, M. T.**, Ha, N. T. H., Hien L.T.T, Hue, N. T. H. & Quy, T. D. (2014). *An integrated and quantitative vulnerability assessment for proactive hazard response and sustainability: a case study on the Chan May-Lang Co Gulf area, Central Vietnam*. Sustainability Science, 9(3), 399-409. DOI 10.1007/s11625-013-0221-9 (IF = 3,372, Q1).
 20. Tue, N. T., Hamaoka, H., Quy, T. D., **Nhuan, M. T.**, Sogabe, A., Nam, N. T., & Omori, K. (2014). *Dual isotope study of food sources of a fish assemblage in the Red River mangrove ecosystem, Vietnam*. Hydrobiologia, 733(1), 71-83. DOI:10.1007/s10750-013-1737-9 (IF = 2,212, Q1).
 21. Nguyen Tai Tue, L. V. Dung, **M. T. Nhuan**, K. Omori (2014). *Carbon storage of a tropical mangrove forest in Mui Ca Mau National Park, Vietnam*. Catena, 121: 119-126. ISSN: 0341-8162 (IF = 2,482, Q1).
 22. Ha, N. T. T., Koike, K., & **Nhuan, M. T.** (2014). *Improved accuracy of chlorophyll-a concentration estimates from MODIS imagery using a two-band ratio algorithm and geostatistics: As applied to the monitoring of eutrophication processes over Tien Yen Bay (Northern Vietnam)*. Remote Sensing, 6(1), 421-442. ISSN 2072-4292 (IF = 2.623, Q1).
 23. Yasuhara, K., Do Minh Duc, **Nhuan, M. T.**, & Truc, N. N., 2015. *Adaptation to climate change-induced geodisasters in coastal zones of the Asia-Pacific region*. In Engineering Geology for Society and Territory-Volume 1. pp. 149-152. Springer, Cham.
 24. **Nhuan, M. T.**, Tue, N. T., Hue, N. T. H., Quy, T. D., & Lieu, T. M. (2016). *An indicator-based approach to quantifying the adaptive capacity of urban households: the case of Da Nang city, Central Vietnam*. Urban Climate, 15, 60-69 (Q1 in urban studies).
 25. Le Sy Chinh, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Xuan Hai, Nguyen Thi Hai, Dang Ngoc Thang, Nguyen Tai Giang, Doan Dinh Hung, Nguyen Trung Minh, Nguyen Manh Khai, Tran Dang Quy, Nguyen Thi Hoang Ha, 2016. *The influence of sodium silicate on removal of heavy metals by iron mine tailing*. ARPN Journal of Engineering and Applied Sciences, 21, 12555-12560 (Q3).
 26. Dung, L. V., Tue, N. T., **Nhuan, M. T.**, & Omori, K., 2016. *Carbon storage in a restored mangrove forest in Can Gio Mangrove Forest Park, Mekong Delta, Vietnam*. Forest ecology and management, 380, 31-40 (IF = 2,826, Q1).
 27. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Hoang Ha, Ta Thi Hoai and Tran Dang Quy, 2017, *A review on the geoenvironmental and geoecological integrated technology for environmental remediation in Vietnam: approaches, contributions, challenges and perspectives*, IOP Conf. Series: Earth and

- Environmental Science 71 (2017) 012012, doi :10.108/1755-1315/71/1/012012.ISSN 1755-1315.
28. Ha, N.T.T., Koike, K., **Mai Trong Nhuan**, Canh, B.D., Thao, N.T.P. and Parsons, M., 2017. *Landsat 8/OLI two bands ratio algorithm for chlorophyll-a concentration mapping in hypertrophic waters: An application to West Lake in Hanoi (Vietnam)*. IEEE Journal of Selected Topics in Applied Earth Observations and Remote Sensing, 10(11): 4919-4929. ISSN-2151-1535 (IF = 2,913, Q1).
 29. Ha, N.T.T., Thao, N.T.P., Koike, K. and **Mai Trong Nhuan**, 2017. *Selecting the Best Band Ratio to Estimate Chlorophyll-a Concentration in a Tropical Freshwater Lake Using Sentinel 2A Images from a Case Study of Lake Ba Be (Northern Vietnam)*. ISPRS International Journal of Geo-Information, 6(9): 290 (IF = 0,371, Q2 in Earth and Planetary Science).
 30. Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, **Mai Trong Nhuan**, Luu Viet Dung, Nguyen Dinh Thai, 2017, *Tracing carbon transfer and assimilation by invertebrates and fish across a tropical mangrove ecosystem using stable isotopes*, Marine Ecology, v. 38(5), DOI: 10.1111/maec.12460 (IF = 1,177, Q2 in ecology).
 31. Nguyen Tai Tue, Pham Thao Nguyen, Dang Minh Quan, Luu Viet Dung, Tran Dang Quy, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Dinh Thai, 2018, *Sedimentary composition and organic carbon sources in mangrove forests along the coast of northeast Vietnam*, Regional Studies in Marine Science 17, p. 87-94. ISSN-0883-2927 (IF = 1,462, Q2 in ecology).
 32. Ha, N. T. H., Ha, N. T., Nga, T. T. H., Minh, N. N., Anh, B. T. K., Hang, N. T. A., **Mai, N. T.** & Kim, K. W., 2019. *Uptake of arsenic and heavy metals by native plants growing near Nui Phao multi-metal mine, northern Vietnam*. Applied Geochemistry, 108, 104368 (IF = 2,894, Q2).
 33. Nguyen, H. T.H., Sakakibara, M., Nguyen, M. N., **Mai, N. T.**, & Nguyen, V. T., 2019. *Effect of Dissolved Silicon on the Removal of Heavy Metals from Aqueous Solution by Aquatic Macrophyte Eleocharis acicularis*. Water, 11(5), 940 (IF = 2,524, Q2 in biochemistry).
 34. Nguyen, H. T.H., Nguyen, B. Q., Duong, T. T., Bui, A. T., Nguyen, H. T., Cao, H. T., **Mai T.N.** & Kim, K. W., 2019. *Pilot-Scale Removal of Arsenic and Heavy Metals from Mining Wastewater Using Adsorption Combined with Constructed Wetland*. Minerals, 9(6), 379. ISSN 2075-163X (IF = 2,250, Q2).
 35. Tue, N. T., Quan, D. M., Nguyen, P. T., Dung, L. V., Quy, T. D., & **Nhuan, M. T.**, 2019. *Holocene environmental changes in Red River delta, Vietnam as inferred from the stable carbon isotopes and C/N ratios*. Journal of Earth System Science, 128(1), 15. ISSN 2347-4327. (IF = 1,104, Q2).
 36. Ngo Thi, D., Ha, N. T. T., Tran Dang, Q., Koike, K., & **Mai Trong, N.**, 2019. *Effective Band ratio of landsat 8 images based on VNIR-SWIR reflectance*

spectra of topsoils for soil moisture mapping in a tropical region. Remote Sensing, 11(6), 716. ISSN-2072-4292 (IF = 4,118, Q1).

- Một số bài đăng toàn văn trong các tuyển tập báo cáo của các Hội nghị quốc tế

1. **Mai Trong Nhuan**, 1996. *Utilization and protection of the laterite weathering crust in humid conditions*. Proceedings of the 5th Symposium on Geo-environment and Geo-technics. pp 371-374.
2. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Bieu, Dao Manh Tien, 1997. *The potential pollution of the sea water and sediments in Nga Son-Hai Phong shallow offshore area*. Proceedings of the 7th Symposium on Geo-environment and Geo-technics, Tokyo. Pages 63-70.
3. **Mai Trong Nhuan**, 1997. *The Geohazards in the Nga Son-Hai Phong coastal zone*. Proceedings of the 7th Symposium on Geo-environments and Geo-technics, Tokyo. Pages 235-244.
4. N Bieu, **MT Nhuan**, DM Tien, TQ Hai, 1997. *Coastal zone management in Vietnam*. Oceanology International 97 Pacific Rim. Volume 1, 137-152.
5. **Mai Trong Nhuan**, Chu Văn Ngoi, Dang Trung Thuan, Dang Van Luyen, Nguyen Ngoc Truong, Do Minh Duc, Nguyen Van Duc, 1999. *Environmental protection and management of coal mining area in the humid tropical conditions (with the example of Hon Gai- Cam Pha region)*. International Symposium on Geopollution Problem with special reference to hazardous waste and excavated matters- Application of mineral resources for remedial treatment, July 26-27 1999, Tokyo, Japan. pp 32-45.
6. **Nhuan, M. T.**, Viet, P. H., Tien, D. M., Son, V. T., & Hoai, P. M., 2000. *Primary Research on Application of Molecular Markers in Investigation of Environmental Organic Geochemistry in Vietnam Coastal Zone*. In Proceedings of The Techno Ocean Symposium. Vol. 3, pp 595-598.
7. Do, M. D., **Mai, T. N.**, Deguchi, I., & Araki, S., 2002. *Initial model for sediment transport and topographical change at the Red River mouth, Northern Vietnam*. Annual Report of FY 2000, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 44-49.
8. **Mai, T. N.**, Ninh, N. H., Huy, L. Q., Sam, D. D., Ha, T. H., Thanh, N. C., & Du, N. Q., 2003. *Economic valuation of demonstration wetland sites in Vietnam*. Vietnam Wetland Component Report, UNEP/GEF South China Sea project, Hanoi.
9. **Mai, T. N.**, & Pham, H. V., 2003. *Arsenic distribution in nature and the environmental pollution by arsenic in Vietnam*. Annual Report of FY 2001, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 40-47.

10. **Mai, T. N., & Nguyen, T. M. N., 2003.** *Geochemical sedimentary evolution features of the processes of formation, development and degradation of mangrove forests in Namdinh coastal region, Vietnam.* Annual Report of FY 2001, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 137-148.
11. Takizawa, S., Tran, T. V. N., Inoue, M., Khatiwada, N. R., Chu, V. N., & **Mai, T. N., 2003.** *Groundwater contamination due to arsenic, iron, ammonia, and organic matter in Hanoi city, Vietnam.* Annual Report of FY 2001, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 199-206.
12. **Mai, T. N., Do, M. D., Dao, M. T., Deguchi, I., & Nakatsuji, K., 2003.** *Sediment budget and erosion assessment of the Haihau coastal zone, Namdinh province, Northern Vietnam.* Annual Report of FY 2001, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 158-165.
13. **Mai, T. N., Tran, T. H., Dang, V. L., Nguyen, T. T. H., & Pham, H. T., 2004.** *Evaluation of the vulnerability of the coastal socio-natural systems (example from Khanh Hoa coastal zone).* Annual Report of FY 2003, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 150-155.
14. Tran, N., **Mai, T. N., Dang, V. L., Chu, V. N., Nguyen, T. L., Dam, Q. M., & Pham, D. Q., 2004.** *Impact of sea level rise on coastal resource in Vietnam.* Annual Report of FY 2003, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and National Centre for Natural Science and Technology (NCST), 178-187.
15. **Mai Trong Nhuan, Do Hau, Tran Tuan Hiep, Pham Dinh Viet, Nguyen Van Dan, Do Minh Duc, Nguyen Ngoc Truc, Doan Duy Hien, Tran Thi Luu, Nguyen Cao Huan, Vu Van Phai, Nguyen Van Duc, 2004.** *Establishment of Natural and socio - economic fundamentals towards a sustainable city of Hanoi.* Proceedings the International Workshop: Towards systematic and innovative geotechnical, Geoenviromental, Geological and geophysical Contributions for a sustainable Infrastructure development of Vietnam. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. pp 216-226.
16. **Mai Trong Nhuan, Do Minh duc, Nguyen Ngoc Truc and le Thi Kim Oanh, 2005.** *Natural condition evaluation for urban land use planning in Hanoi City.* Proceedings the International Workshop: Integrated Geoengineering for sustainable infastructure development. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. P.1-10.
17. **Mai Trong Nhuan, Nguyen Thi Hong Hue, Nguyen Ngoc Truc, Tran Dang Quy, Nguyen Thi Hoang Ha and Dao Mianh Tien, 2005.** *Assessemnt of Vietnam coastal zone vulnerability for sustainable development (Case study Phan Thiet -*

- Ho Tram area*). Proceedings the International Workshop: Integrated Geoengineering for sustainable infrastructure development. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. pp 214-221.
18. **Mai, T. N.**, Do, M. D., Deguchi, I., Chu, V. N., Dang, V. L., Hoang, H. Y., & Nguyen, T. T. H., 2005. *Influences of some human activities on the coastal environment of Thai Binh province, Vietnam*. Annual Report of FY 2004, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and Vietnamese Academy of Science and Technology (VAST), 65-73.
 19. **Mai Trọng Nhuận**, Iwata Shizuo, H. Ieda, Do Minh Duc, Le Thi Kim Oanh, Nguyen Ngoc Truc, 2006. *Toward a sustainable city of Hanoi*. In: Frontiers of Basic Science towards new Physics, Earth and Space Science, Mathematics. Editors Hideaki Takebe, Nguyen Hoang Luong, Yoshichika Onuki. Osaka University Press. P198- 208, ISBN 4872592042.
 20. **Mai, T. N.**, Nguyen, T. T., Nguyen, T. H. H., Tran, D. Q., Nguyen, T. H. H., & Dao, M. T., 2007. *Integrated assessment of risk level caused by hazards in the coastal zone of Vietnam (cases study: Cam Ranh-Phan Ri coastal zone)*. Annual Report of FY 2006, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and Vietnamese Academy of Science and Technology (VAST), 133-140.
 21. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Minh Ngoc, Nghiem Quynh Huong, Nguyen Thi Hong Hue, Nguyen Tai Tue and Pham Bao Ngoc, 2007, *Assessment of Vietnam coastal wetland vulnerability for sustainable use (case study in Xuanthuy Ramsar site, Namdinh province)*. International symposium Hanoi Geoengineering 2007: New challenges in geosystem engeneering and exploration, Hanoi, 22-23 November, 2007, pp. 29-37.
 22. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Minh Ngoc, Nguyen Tai Tue, Nguyen Thi Hong Hue, Tran Dang Quy, Nguyen Thi Thu Ha and Pham Bao Ngoc, 2007. *Characterization and Mitigation of Vietnam Coastal Hazards for sustainable development*. Proceedings the International Symposium: New challenges in geosystem engineering and exploration. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. pp 2-10.
 23. **Mai Trong Nhuan**, Tran Dang Quy, Nguyen Thuy Duong, Nguyen Thi Ngoc, Nguyen Thi Minh Ngoc and Nguyen Thi Hong Hue, 2008. *Orientation for conservation and sustainable development plan of Vietnam coastal wetlands till 2020*. The 8th general seminar of the core university program for the earth: Environmental Science and Techology for The Earth, Osaka, Japan, November 26-28, 2008, pp. 179-190.
 24. **Mai Trong Nhuan**, Tran Dang Quy, Nguyen Thi Minh Ngoc, Nguyen Thi Hong Hue, Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Thi Ngoc and Nguyen Tai Tue, 2008. *Hazards in the Vietnam coastal zone*. The 2nd International symposium: Climate change and the sustainability, Hanoi, Vietnam, 2008, pp. 7-15.

25. Tue, N. T., Hamaoka, H., Sogabe, A., Quy, T. D., **Nhuan, M. T.**, & Omori, K., 2011. *Sources of sedimentary organic carbon in mangrove ecosystems from Ba Lat estuary, Red River, Vietnam*. Interdisciplinary Studies on Environmental Chemistry-Marine Environmental Modeling & Analysis. Terrapub, 151-157 (ISBN 9784887041547).
26. Nguyen Tai Tue & Tran Dang Quy & Hideki Hamaoka & Luu Viet Dung & **Mai Trong Nhuan** & Koji Omori, 2012. *Depth profiles of $\delta^{13}C$ and trace element concentrations in mangrove ecosystem of Tien Hai Natural Reserve, Vietnam*. Interdisciplinary Studies on Environmental Chemistry-Environmental Pollution and Ecotoxicology. Terrapub. pp. 463-470 (ISBN 9784887041578).
27. **Mai Trong Nhuan**, 2013. *Geoenvironmental engineering in Vietnam: Contribution, challenges, opportunities and perspectives for sustainable development and climate change response*. Proceedings the International Symposium: Natural resources engineering and disaster mitigation for infrastructure development. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-6-4-934-563-0. pp 137- 140.
28. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Hoang Ha, Le Thi Thu Hien, Tran Dawng Quy, Nguyen Hoa Binh, 2013. *Forecasting vulnerability of Natural resources and environment to 0.5 m sea level rise for proactive hazard response*. Proceedings the International Symposium: Natural resources engineering and disaster mitigation for infrastructure development. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-6-4-934-563-0. pp 155-162.
29. Rajinder Bhasin, mi Kaynia, Tore Valstad, **Mai Trong Nhuan**, Do Minh Duc, Pham Nguyen Ha Vu, 2013. *A primary evaluation on reservoir triggered seismicity at Song Tranh 2 Dam in Central Vietnam*. Proceedings the International Symposium: Natural resources engineering and disaster mitigation for infrastructure development. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-6-4-934-563-0, P19-24.
30. **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Thi Thu Ha, Do Minh Duc, Tran Manh Lieu, Nguyen Thi Hong Hue, Hoang Van Tuan, L.e Thi Thu Hien, Tran Dang Quy, Nguyen Thuy Linh, Nguyen Thi Hoang Ha, Ta Thi Hoai, 2014. *Natural Resource Sustainable Use for Proactive Response to Natural Disasters in the Context of Climate Change in Vietnam: A Case Study of Ban Diu and Tan Nam Communes, Ha Giang Province*. Proceedings the 13th International Symposium on mineral exploration: Toward sustainable Society with Natural Resources-Frontiers in Earth Resources technologies and environmental conservation. Hanoi, 22-24 Semptermber 2014. pp 155-162.
31. Yasuhara, K., **Nhuan, M. T.**, & Truc, N. N., 2015. *Adaptation to climate change-induced geodisasters in coastal zones of the Asia-Pacific region*. In

- Engineering Geology for Society and Territory. Springer, Cham. Volume 1m. pp 149-152.
32. Luu Viet Dung, Nguyen Tai Tue, Pham Van Hieu, **Mai Trong Nhuan**, Kojj Omori, 2016. *Sources of sedimentary organic carbon in Can Gio Mangrove Biosphere Reserve, Vietnam*. Proceedings the International Symposium: Energy and sustainability. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-604-62-6630-3. pp 154-157.
 33. Ta Thi Hoai, **Mai Trong Nhuan**, Tran Dang Quy, 2016. *Socio-economic condition and adaptive capacity of households in landslide prone area: A case study of Nam Dan, Northern Vietnam*. Proceedings the International Symposium: Energy and sustainability. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-604-62-6630-3. pp 125-130.
 34. Nguyen Tai Tue, **Mai Trong Nhuan**, Tran Dang Quy, Pham Thao Nguyen, Dang Minh quan, 2016. *Conserving mangrove forest for better human resilience, food security and climate change response in Vietnam*. Proceedings the International Symposium: Energy and sustainability. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-604-62-6630-3. pp 63-69.
 35. **Mai Trong Nhuan**, Lam Tuan Manh, Tran Dang Quy, Nguyen Tai Tue, 2016. *An integrated indicator framework of sustainability, prospercity, liveability and adaptation to climate change for urban areas*. Proceedings the International Symposium: Energy and sustainability. Vietnam National University Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-604-62-6630-3. pp 8-15.

- Một số bài báo đăng trong tạp chí trong nước

1. Đặng Trung Thuận, Nguyễn Ngọc Trường, **Mai Trọng Nhuận**, 1981. *Hành vi của các nguyên tố Al, Si, Fe, Ti, Mg, Ca, Na, và K trong vỏ phong hoá các đá bazan ở Tây Nguyên*. Các khoa học về Trái đất, 3(2): 33-39.
2. **Mai Trọng Nhuận**, Đặng Trung Thuận, Nguyễn Ngọc Trường, Lưu Đức Hải, 1983. *Vỏ phong hoá đá bazan vùng nhiệt đới ẩm và sự hình thành bauxit laterit ở Việt Nam*. Địa chất, No 162: 17-27.
3. **Mai Trọng Nhuận**, 1986. *Điều kiện hoá lý thành tạo các kiểu phân đới khoáng vật trong vỏ phong hoá đá bazan Tây Nguyên*. Địa chất, No 174-175: 34-37.
4. **Mai Trọng Nhuận**, 1986. *Về hệ số đánh giá khả năng sinh quặng bauxit của các loại đá magma, biến chất trong quá trình phong hoá*. Tạp chí Khoa học Đại học Tổng hợp, Hà Nội, No 3: 56-64.
5. **Mai Trọng Nhuận**, 1987. *Hệ số đánh giá tổng hợp ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên đối với sự tạo thành vỏ phong hoá*, Tạp chí Khoa học Đại học Tổng hợp Hà Nội. No 4: 30-35.
6. Đặng Mai, **Mai Trọng Nhuận**, 1991. *Phương pháp tổng quát tính hàm lượng khoáng vật từ số liệu phân tích hoá*. Địa chất, No 206-207: 93-97.

7. Đặng Trung Thuận, **Mai Trọng Nhuận**, 1991. *Áp dụng phương pháp bùn đáy để tìm kiếm quặng phóng xạ ở rìa bắc khối nhô Kon Tum*. Địa chất, No 206-207: 62-64.
8. **Mai Trọng Nhuận** và nnk, 1996. *Hệ chương trình xử lý tổng hợp tài liệu vô phong hoá*. Tạp chí Địa chất Khoáng sản - Dầu khí Việt Nam. No 2: 417-425.
9. **Mai Trọng Nhuận**, Đào Mạnh Tiến, 1996. *Một số đặc điểm về địa chất môi trường biển ven bờ 0-30 m nước đoạn Đèo Ngang - Nga Sơn*. Địa chất, No235, trang 9-19.
10. **Mai Trọng Nhuận**, Đào Mạnh Tiến và nnk, 1996. *Một số đặc điểm tiến hoá địa hoá các trầm tích Đệ tứ biển Hà Tiên-Cà Mau*. Tạp chí Địa chất, tập 237, trang 75-88.
11. **Mai Trọng Nhuận** và nnk, 1996. *Hệ chương trình xử lý tổng hợp tài liệu vô phong hoá*. Tạp chí Địa chất Khoáng sản - Dầu khí Việt Nam. No 2: 417-425.
12. **Mai Trọng Nhuận** và nnk, 1996. *Một số tai biến địa môi trường biển ven bờ Hải Vân - Đèo Ngang*. Tạp chí hoạt động khoa học, No 5: 30-33.
13. **Mai Trọng Nhuận**, Đào Mạnh Tiến và nnk, 1997. *Đặc điểm địa hoá môi trường nước biển ven bờ Đèo Ngang - Nga Sơn, Bắc Trung Bộ*. Tạp chí Các khoa học về Trái đất, 19(1): 63-68.
14. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Ngọc Sơn, 1998. *Đặc điểm địa hoá vô phong hoá laterit một số vùng trung du Bắc Bộ Việt Nam*. Các Khoa học Trái Đất, N4(T.20): 283-290.
15. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Lương Xuân Huân, 2000. *Phương pháp địa hoá- khoáng vật xác định tốc độ phong hoá và tốc độ bóc mòn vô phong hoá vùng nhiệt đới (lấy ví dụ miền Nam Việt Nam)*. Tạp chí Địa chất, loạt A, phụ trương 2000: 77-86.
16. Chu Văn Ngợi, Trần Nghi, **Mai Trọng Nhuận**, Đặng Văn Luyến, Đỗ Minh Đức, 2000. *Đặc điểm địa động lực vùng châu thổ Sông Hồng*. Tạp chí Địa chất, loạt A, phụ trương 2000: 40-45.
17. **Mai Trọng Nhuận** and others, 2002. *Evaluation of vulnerability of the coastal socio-natural systems (Example from Khanh Hoa coastal zone)*. VNU Journal of Science, T. XVIII, No 3.
18. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyen Thi Minh Ngoc, Dang Van Luyen, Pham Hung Viet, Vu Truong Son, Dao Manh Tien, 2003. *Application of organochlorine pesticides and polychlorinated biphenyls as molecular marker for assessment of sediment source quality and sedimentation rate in Vietnam coast*. VNU Journal of science, T.XIX, No2, 2003. P. 37-45.
19. Ngoc, N. T. M., **Nhuan, M. T.**, & Van Luyen, D., 2004. *Geochemical sedimentary evolution during process of mangrove forest formation, development and degradation in red river mouth (on example of Giao Thuy mangrove forest, Nam Dinh province)*. VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, 20(3).

20. **Nhuận, M. T.**, Huế, N. T. H., Hà, N. H., Đức, Đ. M., & Quy, T. Đ., 2004. *Phân tích tác động của tai biến xói lở đến đới ven biển Phan Rí-Phan Thiết*. Tạp chí các khoa học về Trái Đất, 26(3), 233-235.
21. **Nhuận, M. T.**, Tiến, Đ. M., Huế, N. T. H., Quy, T. Đ., Tuệ, N. T., & Huệ, N. T. H., 2005. *Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương đới ven biển Phan Thiết-Hồ Tràm, Việt Nam phục vụ phát triển bền vững*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tập 21, số 4: 6-16.
22. **Mai Trọng Nhuận**, Đào Mạnh Tiến, Nguyễn Tài Tuệ, Nguyễn Thị Hồng Huế, Trần Đăng Quy và Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2005. *Đánh giá mức độ nguy hiểm do tai biến đới ven biển Cam Ranh - Phan Rí*. Tạp chí Địa chất, tập 291, Loạt A: 27-37.
23. **Mai Trọng Nhuận** và nnk. 2006. *Đánh giá tổn thương phục vụ cho quy hoạch và quản lý môi trường (lấy thí dụ ở Thành phố Hải Phòng và phụ cận)*. Tạp chí các khoa học về Trái Đất, 28(1), 1-10.
24. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Đào Mạnh Tiến, Nguyễn Thị Hồng Huế, Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2007. *Nghiên cứu đặc điểm địa hoá môi trường trầm tích tầng mặt vùng biển (0 - 30 m nước) Phan Thiết - Hồ Tràm phục vụ cho việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, số. 23, No. 1:34-46.
25. Ha N. T. T, **Nhuan M.T**, Ngoc N.T, Dung H.T., 2007. *The distribution of peanut-worm (Sipunculus nudus) in the relation with geo-environment characteristics*. VNU Journal of Science, Vol. 2 (2007): 110 – 116.
26. **Mai, T. N.**, Nguyễn, T. T. H., Trần, Đ. Q., Nguyễn, T. N., Đỗ, T. T. L., Nguyễn, T. M. N., ... & Phạm, B. N, 2008. *The Vietnamese Wetlands Classification System*, VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, Vol. 24, No. 2: 96-103.
27. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Thùy Linh, Nguyễn Thị Hồng Huế, Trần Đăng Quy, Phạm Bảo Ngọc, Quách Đức Tín, 2009, *Vulnerability assessment of Vietnamese coastal bays and gulfs for sustainable use planning of environment and natural resources: a case study in the Tien Yen - Ha Cui Gulf (Quang Ninh province)*, Journal of Geology, Vol. 34, No. B: 1-15
28. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Văn Luyện, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Quách Đức Tín, 2009. *Đánh giá tổng hợp nguy cơ tai biến vùng vịnh Cam Ranh, Việt Nam*. Tạp chí Địa chất số 312.
29. Nguyen Thi Hong Hue, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Tai Tue, Nguyen Thi Minh Ngoc, Do Thuy Linh, Pham Bao Ngoc, Luu Viet Dung, 2009. *Assessment of vulnerability level of geological resources, orientation of sustainable use of the Gành Rái Bay, Bà Rịa - Vũng Tàu Province*. Journal of Geology, Series A, 312, 10-24.

30. Quy, T. D., Duong, N. T., Ngoc, N. T., & **Nhuan, M. T.**, 2009. *Natural resources and environment in Cam Ranh bay and sustainable development orientation*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 25(3).
31. **Nhuan, M. T.**, Ha, N. T. H., Quy, T. D., Hue, N. T. H., & Hien, L. T. T., 2011. *Integrated vulnerability assessment of natural resources and environment for sustainable development of Vietnam coastal zone*, VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, Vol. 27, No. 1S, pp. 114-124
32. Tran Dang Quy, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Tai Tue, Nguyen Thi Hoang Ha, 2011. *A study on characteristics and mitigation of hazards in Vietnam coastal zone for sustainable development*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 1S, pp 86-97.
33. **Nhuan, M. T.**, Quy, T. D., Hue, N. T. H., Dung, L. V., Van Tuan, H., Trang, B. T.,... & Thuy, V. T. T., 2011. *Vulnerability assessment of environment and natural resources in Vietnam coastal zone for sustainable use of natural resources, environment protection and adaptation to climate change (case study the Red River Delta coastal zone)*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 27(3).
34. Ha, N. T. T., Tuyet, P. T., **Nhuan, M. T.**, & Van Vuong, N., 2012. *Rapid assessment of water eutrophic state in Tien Yen-Ha Coi Bay by estimating Chlorophyll-a concentration using geostatistical interpolations and MODIS data*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 28(3).
35. Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, **Mai Trọng Nhuận**, 2012. *Đặc điểm phân bố các nguyên tố vi lượng trong trầm tích tầng mặt vịnh Tiên Yên*, Tạp chí các Khoa học về Trái đất, tập 34, số 1, trang 10-17.
36. Hoàng Văn Tuấn, Trần Đăng Quy, Nguyễn Văn Vượng, **Mai Trọng Nhuận**, 2012. *Định hướng phân vùng chức năng sử dụng bền vững tài nguyên - môi trường vịnh Tiên Yên*. Tạp chí các Khoa học về Trái đất Vol 34, No 4 (2012). 486-494.
37. **Mai Trọng Nhuận**, Đỗ Minh Đức và nnk, 2012. *Hướng tới phát triển bền vững thành phố Hà Nội trên cơ sở đánh giá điều kiện xây dựng công trình*. Phát triển bền vững thủ đô Hà Nội, Nhà xuất bản Hà Nội, ISBN 9786045501979, trang 1136-1153.
38. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Mạnh Liễu, Nguyễn Ngọc Trục, Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Khang, Nguyễn Thị Hồng Huế, Hoàng Đình Thiện, Trương Văn Thịnh, Nguyễn Hồ Quế, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2014. *Các mô hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu: kinh nghiệm quốc tế và áp dụng cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Vol. 30, No.25, 2014, trang 222-234.
39. Nguyễn Hồ Quế, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thị Lua, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Hà, Lương Lê Huy, Quách Mạnh Đạt, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Huế, Trần Đăng Quy, 2014. *Đánh giá môi trường địa chất vùng biển Quảng Nam - Khánh Hòa từ 60-100 m nước phục vụ sử dụng bền*

- vững tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Vol. 30, No.25, 2014, trang 60-69.
40. **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Thị Hồng Huế, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Mạnh Liễu, 2015. *Assessing the Adaptive Capacity of Coastal Urban Households to Climate Change (Case Study in Liên Chiểu District, Đà Nẵng City, Vietnam)*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, Vol. 31, No. 2 (2015) 23-35.
 41. Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Lương Lê Huy, Trịnh Nguyên Tính, Lê Anh Thắng, Đào Mạnh Tiến, Vũ Trường Sơn, **Mai Trọng Nhuận**, 2016. *Tai biến địa hóa vùng biển Việt Nam: Hiện trạng, xu thế và các giải pháp giảm nhẹ*. Tạp chí Địa chất, loạt A, 360, 10/2016: 28-39.
 42. Hào, N. T., Tuệ, N. T., Quy, T. Đ., Hoài, N. Đ., & **Nhuận, M. T.**, 2016. *Đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cấp hộ gia đình tại huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 32(2S).
 43. Tuệ, N. T., Nguyên, P. T., Huyền, N. T. T., Quy, T. Đ., Quân, Đ. M., Thái, N. Đ., & **Nhuận, M. T.**, 2016. *Đặc điểm điều kiện địa hóa sinh thái của sá sùng (Sipuculus nudus) ở rừng ngập mặn Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh*. VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences, 32(2S).
 44. Nguyen, H. T. T., **Mai, N. T.**, Bui, C. D., & Nguyen, T. T. P., 2016. *Mapping droughts over the central highland of Vietnam in El Nino years using LANDSAT imageries*. VNU Journal of Science, Vol. 32, No. 1S (2016) 255-263
 45. Le Huy, L., **Nhuan, M. T.**, Quy, T. D., Van Tuan, H., Dat, Q. M., Hoai, N. D., & Tue, N. T., 2016. *Characteristics of Marine Environmental Geochemistry from Ha Tinh to Quang Nam (60-100m water depth)*. Vietnam Journal of Earth Sciences, 38(2), 217-230.
 46. Lương Lê Huy, **Mai Trọng Nhuận**, Lê Văn Học, Trịnh Nguyên Tính, Lê Anh Thắng, Nguyễn Văn Hà, Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Đăng Quy, 2017, *Characteristics of marine environmental geochemistry from Nga Sơn to Cua Hoi, Thanh Hoa province (0-30 meters water depth)*, Journal of Marine Science and Technology; v. 17(3), p. 301-311, DOI: 10.15625/1859-3097/17/3/8698.
 47. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Đào Mạnh Tiến, Nguyễn Thị Hồng Huế, Nguyễn Thị Hoàng Hà, 2017. *Nghiên cứu đặc điểm địa hoá môi trường trầm tích tầng mặt vùng biển (0 - 30 m nước) Phan Thiết - Hồ Tràm phục vụ cho việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, số. 23, No. 1, pp. 34-46.
 48. Lam Tuan Manh, Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, Ta Thi Hoai, **Mai Trong Nhuan**, Nguyen Duc Hoai, 2017, *Assessment of Sustainable Development Index for Thanh Hoa Province during period from 2010 - 2014*, Vietnam Journal of Earth Sciences, v. 33(1S), p. 257-267.

49. Nguyễn Đức Hoài, Nguyễn Quốc Biên, Lê Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Lý, Lương Lê Huy, Hà Tiên, Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Hà, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Đăng Quy, 2018. *Đánh giá tài nguyên đất và nước xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên phục vụ xây dựng mô hình phát triển bền vững tích hợp 3E+1*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 34, Số 3 (2018) 1-3, 34(3): 71-85.
 50. Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, Nguyễn Đình Thái, **Mai Trọng Nhuận**, 2018, *Xác định nguồn gốc của carbon hữu cơ trong trầm tích bề mặt rừng ngập mặn Vườn quốc gia Mũi Cà Mau bằng phương pháp phân tích đồng vị bền*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, 34(4).
 51. **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Trần Hồng Thái, Nguyễn Tài Tuệ, 2019. *Một số giải pháp đổi mới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ trái đất - mỏ - môi trường*. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 13-25.
 52. Mai Kim Liên, **Mai Trọng Nhuận**, Nguyễn Xuân Hải, 2019. *Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho tỉnh Bình Định*. Tạp chí Khí tượng Thủy văn (708), tr.23-35.
 53. **Mai Trọng Nhuận**, Trương Xuân Cừ, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Trần Đăng Quy, Phạm Thuỳ Linh, Nguyễn Tài Tuệ, Lưu Việt Dũng, 2020. *Đánh giá hiệu quả của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ: Trường hợp Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường, Tập 36, ID 4457.
- 3.1.2. *Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình (17 quyển)*
1. Đặng Trung Thuận, Trần Nghi, Đặng Mai, **Mai Trọng Nhuận** và nnk, 1978. Thạc luận. NXB Đại học chuyên nghiệp, Hà Nội.
 2. Đặng Trung Thuận, Đặng Mai, **Mai Trọng Nhuận** và nnk, 1984. Sách tra cứu tóm tắt về địa hoá. NXB Khoa học Kỹ thuật.
 3. Đặng Văn Đội, Đậu Hiền, Vũ Quang Lân, Đặng Mai, Trần Nghi, **Mai Trọng Nhuận**, Vũ Nhật Thắng, Đặng Trung Thuận, Ngô Quang Toàn (chủ biên), Nguyễn Thành Vạn, 2000. *Vỏ phong hoá và trầm tích đệ tứ Việt Nam*. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Hà Nội, 2000. 269 trang.
 4. P. Huybrechts, M. Kuhn, K. Lambeck, **M.T. Nhuan**, D. Qin, P.L. Woodworth, Lead Authors of Chapter 11- Changes in Sea Level (pp.639-693): in IPCC, 2001: Climate Change 2001: The Scientific Basis. Contribution of Working Group I to the Third Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change [Houghton, J.T., Y. Ding, D.J. Griggs, M. Noguer, P.J. van der

- Linden, X. Dai, K. Maskell, and C.A. Johnson (eds.)]. Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom and New York, NY, USA, 881pp. ISBN 0521 80767 0 hardback, ISBN 0521 01495 6 paperback.
5. **Mai Trọng Nhuận**, 2001. Địa hóa môi trường. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 6. **Mai Trọng Nhuận** (chủ biên), Vũ Trung Tạng, Phan Nguyên Hồng, Phạm Bình Quyền, Nguyễn Hữu Ninh, Lê Thanh Bình, Phạm Đình Trọng, Trần Đức Thanh, Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Nguyễn Hồng Huế, Đỗ Thuỳ Linh, Phạm Bảo Ngọc, Mai Thị Thuý Phụng, 2007. Đất ngập nước ven biển Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 7. **Mai Trọng Nhuận** (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Đăng Quy, Nguyễn Tài Tuệ, Nguyễn Thị Hoàng Hà và nnk, 2007. Kế hoạch hành động bảo tồn và phát triển bền vững đất ngập nước ven biển Việt Nam đến năm 2015. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 8. Trần Văn Trị, Vũ Khúc, Bùi Minh Tâm, Cù Minh Hoàng, Lê Đức An, **Mai Trọng Nhuận**, Ngô Quang Toàn và nnk, 2009. Địa chất và tài nguyên Việt nam. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Bản dịch tiếng Anh, 2011: Geology and Earth resources of Vietnam. Publishing house for science and technology, Hanoi. ISBN: 978-604-913-047-2. 645 p.
 9. **Mai Trong Nhuan**, Hitoshi Ieda, Do Hau, Tran Tuan Hiep, Tetsyo Shimizu, Do Minh Duc, Kensuke Fukushi, Pham Dinh Viet, Takeyoshi Tachibana và nnk, 2010. Growing with water- Hanoi conflict and possibility. Tokyo University.
 10. John Hay, **Mai Trong Nhuan**, Jose Moreno, Review Editors of Chapter 9 - Case studies (pp. 487-542): in IPCC, 2012: Managing the Risks of Extreme Events and Disasters to Advance Climate Change Adaptation. A Special Report of Working Groups I and II of the Intergovernmental Panel on Climate Change [Field, C.B., V. Barros, T.F. Stocker, D. Qin, D.J. Dokken, K.L. Ebi, M.D. Mastrandrea, K.J. Mach, G.-K. Plattner, S.K. Allen, M. Tignor, and P.M. Midgley (eds.)]. Cambridge University Press, Cambridge, UK, and New York, NY, USA, 582 pp. ISBN 978-1-107-02506-6 Hardback, ISBN 978-1-107-60780-0 Paperback.
 11. **Mai Trọng Nhuận**, Phạm Văn Tân, Ngô Đức Thành, Phạm Văn Cự, Võ Thanh Sơn và nnk, 2012. Những vấn đề cơ bản về biến đổi khí hậu. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
 12. Trần Thục, Koos Neefjes, Tạ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Thắng, **Mai Trọng Nhuận**, Lê Quang Trí và nnk, 2015. Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu. NXB Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam. ISBN: 978-604-904-623-0.
 13. **Mai Trọng Nhuận** (chủ biên), Trần Mạnh Liễu, Nguyễn Tài Tuệ, Trần Đăng Quy, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Phạm Thị Nhâm, 2016. Mô

hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-62-6631-0.

14. Tổng Duy Thanh, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Nghi (đồng chủ biên) và nnk, 2017. Bách khoa thư địa chất. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-604-62-6905-2
15. **Mai Trọng Nhuận**, Tue, N.T. and Quy, T.D. 2018. Enhancing Resilience to Climate Change and Disasters for Sustainable Development: Case Study of Vietnam Coastal Urban Areas. In: K. Takeuchi, O. Saito, H. Matsuda and G. Mohan (Editors), Resilient Asia: Fusion of Traditional and Modern Systems for a Sustainable Future. Springer Japan, Tokyo, pp. 63-79. ISBN: 978-4-431-56595-6.
16. Duc, D.M., **Mai Trọng Nhuận**, Quy, T.D. and Lieu, T.M., 2018. TXT-tool 4.084-1.2: Landslide Vulnerability Assessment: A Case Study of Backan Town, Northeast Vietnam, Landslide Dynamics: ISDR-ICL Landslide Interactive Teaching Tools. Springer, pp 521-537.
17. Trần Văn Minh, Nguyễn Quang Hùng, Trương Minh Hoàng, Lê Quang Huy, Phùng Đức Tiến, Nguyễn Bắc Việt, Nguyễn Tuấn Anh, Trần Thị Quốc Khánh, Nguyễn Thị Lệ Thủy, **Mai Trọng Nhuận**, Trần Thục và nnk, 2019. Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam. NXB Thanh Niên. ISBN: 978-604-67-1174-2.

3.1.3. Sản phẩm được ứng dụng, chuyển giao

TT	Đề tài được ứng dụng	Thời gian	Địa chỉ áp dụng
1	Quy trình đo vẽ và hệ thống bản đồ địa chất môi trường, bản đồ địa chất tái biến và dự báo tai biến	Từ 1992 (đối với bản đồ ĐCMT), từ 1996 đối với Bản đồ địa chất tai biến và dự báo tai biến	Liên đoàn địa chất khoáng sản biển, nay là Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển phía Bắc, Tổng cục Biển và Hải đảo
2	Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước có ý nghĩa quốc tế, quốc gia, giai đoạn 2005-2015; định hướng quy hoạch sử dụng đất ngập nước ven biển nhằm bảo vệ môi trường và phòng tránh tai biến	2007 và 2008	Cục Bảo vệ môi trường, nay là Tổng cục Môi trường
3	Cơ sở dữ liệu các vùng đất ngập nước có ý nghĩa quốc tế, quốc gia	2007	Cục Bảo vệ môi trường, nay là Tổng cục Môi trường
4	Quy trình đánh giá và bộ bản đồ hiện trạng mức độ tổn thương tài	2012	Tổng cục Môi trường

	nguyên - môi trường biển và đới ven biển Việt Nam		
5	Quy trình dự báo và bộ bản đồ dự báo mức độ tổn thương tài nguyên - môi trường biển và đới ven biển Việt Nam theo các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội và dâng cao mực nước biển	2012	Tổng cục Môi trường
6	Mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	2016	Thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Tổ chức, năm tặng thưởng
1.	Giải thưởng Bảo Sơn vì sự nghiệp phát triển bền vững trong lĩnh vực môi trường	2010
2.	Huân chương Cảnh cộ Hàn lâm (Cộng hoà Pháp)	2007
3.	Huy chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ	2003

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

Trong Google scholar:

Tổng số trích dẫn (nếu có): **778**; Chỉ số h_{index} (nếu có): **16**; i10-index: **18**

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Nga, tiếng Anh; sử dụng được tiếng Pháp
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mai Trọng Nhuận